

Bản án số: 83/2026/HSST

Ngày: 02-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Chí.
2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh - Số D đường D, phường A, Tp . (Phường E, quận G cũ) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 422/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HS ngày 05/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/HSST-QĐ ngày 26/01/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H; Sinh năm 1999, tại Thành phố Hải Phòng; Thường trú: Số C đường H, phường A, Thành phố Hải Phòng (phường A, quận L cũ); Thường trú: Thôn T, xã K, Thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Mặc Thị N; Vợ Đặng Phương H1, có 01 con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Thanh T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp D, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (xã Đ, huyện H cũ).

2/ Bà Lâm Thị Thanh T1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số I đường T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường A, quận T cũ).

3/ Bà Phạm Thị M (Có mặt).

Địa chỉ: Số E đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (phường T, thành phố T cũ).

4/ Bà Nguyễn Thị Hồng N1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số G đường X, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường B, quận B cũ).

5/ Ông Huỳnh Minh T2 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (phường T, quận T cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023, Nguyễn Văn H là nhân viên tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) và Công Ty T3 (PTF). Trong quá trình làm việc tại đây, H tìm hiểu về hoạt động cho vay tín dụng. Đồng thời, H phát hiện lĩnh vực cho vay tín chấp rất tiềm năng và có rất nhiều khách hàng cần vay tiền nhưng không đủ điều kiện để Ngân hàng cho vay nên H đã dùng số tiền tích góp được và bắt đầu hoạt động cho vay tiền trả góp. Để thu hút và tìm kiếm nguồn khách hàng, H thường xuyên vào các hội nhóm “Cho vay tiền góp” và đăng bài quảng cáo cho vay tiền trên Facebook cá nhân của H tên “Nguyễn Văn H” và để số điện thoại của H 0772.393.279 để khách hàng liên lạc (hiện tại Facebook này đã bị khóa). Khi có khách hàng muốn vay tiền thì họ sẽ liên lạc với H qua số điện thoại 0772.393.279, H yêu cầu khách hàng gửi địa chỉ để H đến trực tiếp trao đổi về việc vay tiền. Sau khi đã thống nhất số tiền vay và lãi suất, H sẽ chờ khách vay tiền về nhà của khách để xác minh, nếu thông tin đúng như người vay cung cấp thì H mới cho vay tiền. Ngoài ra, H còn yêu cầu khách hàng phải cung cấp căn cước công dân hoặc Giấy phép lái xe, nếu không có những giấy tờ trên thì H sẽ yêu cầu phải viết giấy vay tiền. Sau khi hoàn tất các thủ tục trên, H sẽ trực tiếp đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản cho khách theo số tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V) số: 919111999 do Nguyễn Văn H đứng tên. Số tiền góp hàng ngày H sẽ nhận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Hình thức vay tiền góp cụ thể như sau: mỗi khoản vay có thời gian và tiền lãi suất sẽ do H quy định. Khi khách vay tiền của H thì H sẽ thu tiền phí dịch vụ từ 5% - 10% trên tổng số tiền khách muốn vay (số tiền này H hưởng). Từ khoảng tháng 09 năm 2023 thì H bắt đầu hoạt động cho vay cho đến ngày 02/10/2024, H đã cho 28 khách hàng vay tiền góp, với tổng số tiền đã cho vay là khoảng: 490.000.000 đồng. Trong đó, H đã thu được cả tiền gốc và tiền lãi là: 218.461.000 đồng. Do phần lớn các khoản vay đều chưa tất toán được, vì người vay đã bỏ trốn nên H không xác định được tổng số tiền thu lợi được là bao nhiêu. Nội dung chi tiết các khoản vay là đúng theo bảng thống kê mà H đã ký tên xác nhận với Cơ quan điều tra.

Tiến hành xác minh thông tin những khách hàng đã vay tiền của H, làm việc được 05 người, cụ thể:

1. Anh Huỳnh Thanh T khai nhận:

- Vào khoảng tháng 3/2024, Huỳnh Thanh T vay của Nguyễn Văn H tổng cộng 03 lần từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 30%/01 tháng theo hình thức trả góp, cụ thể:

+ Lần 1: Cuối tháng 3/2024 vay 10.000.000 đồng, tiền góp 500.000 đồng/01 ngày và góp trong 25 ngày thành 12.500.000 đồng (Phí dịch vụ là 800.000 đồng tương đương 8%). Lần vay này ông T đã đóng được 18 ngày với số tiền đã góp là: 9.000.000 đồng và còn nợ lại của H 07 ngày chưa góp.

+ Lần 2: Vay 20.000.000 đồng, góp 1.000.000 đồng/01 ngày và góp trong 25 ngày thành 25.000.000 đồng (Phí dịch vụ là 1.600.000 đồng, tương đương 8%). Sau khi trừ lại số tiền còn nợ chưa góp của lần thứ nhất (7 ngày = 3.500.000 đồng) và tiền phí dịch vụ là 1.600.000 đồng, H đưa lại cho ông T số tiền 14.900.000 đồng. Lần vay này ông T đã đóng được 15 ngày tương đương số tiền góp là: 15.000.000 đồng và còn nợ lại của H 10 ngày chưa góp.

+ Lần 3: Vay 20.000.000 đồng, góp 1.000.000 đồng/01 ngày và góp trong 25 ngày thành 25.000.000 đồng (Phí dịch vụ là 1.400.000 đồng, tương đương 7%). Sau khi trừ lại số tiền còn nợ 10 ngày chưa góp của lần thứ hai là: 10.000.000 đồng và tiền phí dịch vụ 1.400.000 đồng, H đưa lại cho ông T số tiền: 8.600.000 đồng. Do không có khả năng chi trả nên ông T mới đóng được 03 ngày là 3.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay và còn nợ lại H 22 ngày góp tương đương: 22.000.000 đồng.

Các lần vay này ông T thường chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng V số: 919111999 do Nguyễn Văn H đứng tên. Mỗi lần nhận tiền vay chuyển khoản từ H và đóng tiền lãi cho H, ông T đến nhiều địa điểm khác nhau để nhờ bên dịch vụ nộp, chuyển tiền và rút tiền nên không nhớ địa chỉ cụ thể.

Nguyễn Văn H cho ông Huỳnh Thanh T vay tiền 3 lần, tổng số tiền H cho ông T vay là 50.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.400.000 đồng với lãi suất 30%/tháng (tương đương 360%/năm, gấp 18 lần lãi suất quy định) trừ đi 1.66% theo lãi suất quy định của pháp luật tương đương số tiền 295.890 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 5.104.110 đồng, cộng với phí cho vay thu lợi bất chính của 3 đợt là 3.800.000 đồng, tổng cộng là 8.904.110 đồng.

2. Chị Lâm Thị Thanh T1 khai nhận: Tháng 4 năm 2024, Lâm Thị Thanh T1 vay của H số tiền: 50.000.000 đồng và thỏa thuận góp 2.000.000 đồng/01 ngày và góp trong 30 ngày thành 60.000.000 đồng (tương đương lãi suất 20%/01 tháng), (Phí dịch vụ là 5.000.000 đồng tương đương 10%). T1 đã đóng cho H được khoảng 15 đến 20 ngày thì dừng. Giao dịch nhận tiền vay và đóng tiền lãi chủ yếu qua tài khoản ngân hàng. T1 sử dụng tài khoản 319806666888 – M1 còn H sử dụng tài khoản VIB: 9191119999.

Nguyễn Văn H cho bà Lâm Thị Thanh T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 20%/tháng (tương đương 240%/năm, gấp 12 lần lãi suất quy định) trừ đi 1.66% theo lãi suất quy định của pháp luật tương đương số tiền 410.959 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 4.589.041 đồng, cộng với phí cho vay thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 9.589.041 đồng.

3. Chị Phạm Thị M khai nhận đã vay H 05 lần với hình thức vay đứng, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 10/6/2024, vay 20.000.000 đồng, đóng tiền lãi: 150.000 đồng/01 ngày (lãi suất 22.5%/01 tháng), thời hạn vay: không xác định. Số tiền đã đóng được 450.000 đồng/03 ngày.

+ Lần 2: Ngày 13/6/2024, vay 40.000.000 đồng, đóng tiền lãi: 300.000 đồng/01 ngày (lãi suất 22,6%/01 tháng), thời hạn vay: không xác định. Số tiền đã đóng cho H là 4.500.000 đồng/15 ngày.

+ Lần 3: Ngày 28/6/2024, vay 30.000.000 đồng, đóng tiền lãi: 225.000 đồng/01 ngày (lãi suất 22,7%/01 tháng), thời hạn vay: không xác định. Số tiền đã đóng cho H là 1.350.000 đồng/06 ngày.

+ Lần 4: Ngày 03/7/2024, vay 40.000.000 đồng, đóng tiền lãi: 300.000 đồng/01 ngày (lãi suất 22,8%/01 tháng), thời hạn vay: không xác định. Số tiền lãi đã đóng cho H là 1.200.000 đồng/04 ngày.

+ Lần 5: Ngày 07/7/2024, vay 50.000.000 đồng, đóng tiền lãi: 375.000 đồng/01 ngày (22,9%/01 tháng), thời hạn vay: không xác định. Số tiền lãi đã đóng cho H là 32.625.000 đồng/87 ngày.

Tất cả các lần giao dịch đều chuyển khoản qua Ngân hàng, bà M sử dụng tài khoản 11110000228323 Ngân hàng B1, còn H sử dụng tài khoản Ngân hàng V: 9191119999 và tài khoản: 227060751 ngân hàng V1.

Nguyễn Văn H cho bà Phạm Thị M vay tiền 5 lần với tổng số tiền cho vay là 180.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 40.125.000 đồng với lãi suất lần lượt từ 22.5%, 22.6%, 22.7%, 22.8%, 22.9%/tháng (tương đương 270%, 271.2%, 272.4%, 273.6%, 274,8%/năm, gấp 13.5 lần đến 13.7 lần lãi suất quy định) trừ đi 1.66% theo lãi suất quy định của pháp luật tương đương số tiền 2.931.507 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 37.193.493 đồng.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng N1 khai nhận: Ngày 29/9/2024, Nguyễn Thị Hồng N1 vay của H 10.000.000 đồng, góp 300.000 đồng/01 ngày và góp trong 40 ngày thành 12.000.000 đồng (lãi suất 15%/01 tháng). Bà N1 đã đóng tiền cho H được 01 ngày bằng tiền mặt thì dừng.

Nguyễn Văn H cho bà Nguyễn Thị Hồng N1 vay số tiền 10.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 50.000 đồng với lãi suất 15%/tháng (tương đương 180%/năm, gấp 9 lần lãi suất quy định) trừ đi 1.66% theo lãi suất quy định của

pháp luật tương đương số tiền 5.497 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 44.521 đồng.

5. Anh Huỳnh Minh T2 khai nhận: Ngày 15/9/2024, Huỳnh Minh T2 vay H số tiền 15.000.000 đồng góp 600.000 đồng/01 ngày và góp trong 30 ngày thành 18.000.000 đồng (lãi suất 20%/01 tháng). T2 đã đóng cho H được 14 ngày thì ngưng. Số tiền T2 đóng cho H chủ yếu bằng hình thức chuyển khoản Ngân hàng từ tài khoản: 08137742222 Ngân hàng V1 do T2 sử dụng đến tài khoản: 9191119999 Ngân hàng VIB do Nguyễn Văn H đứng tên.

Nguyễn Văn H cho ông Huỳnh Minh T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.400.000 đồng với lãi suất 20%/tháng (tương đương 360%/năm, gấp 12 lần lãi suất quy định) trừ đi 1.66% theo lãi suất quy định của pháp luật tương đương 115.068 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 1.284.932 đồng.

Như vậy, Nguyễn Văn H đã cho vay tổng số tiền gốc 305.000.000 đồng đã nhận lại số tiền gốc là 233.850.000 đồng (trong đó của ông T là 21.600.000 đồng, của bà T1 là 25.000.000 đồng, của bà M là 180.000.000 đồng, của bà N1 là 250.000 đồng, của ông T2 là 7.000.000 đồng). Bị cáo cho vay với mức lãi suất cao gấp từ 9 lần đến 18 lần lãi suất theo quy định, tổng số tiền lãi thu theo quy định là 3.758.904 đồng, tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 57.016.097 đồng.

Ngoài ra, còn có những người khác vay tiền của Nguyễn Văn H, quá trình điều tra thu thập tiến hành xác minh thông tin nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch. Vì vậy, không xác định được số tiền vay và tiền lãi của các khách hàng này đã thanh toán cho H nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 màu đen của Nguyễn Văn H liên quan đến hành vi phạm tội; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S24, màu vàng đồng.

- (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 2886678866 ngân hàng S1: – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 9191119999 ngân hàng V: – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 227060751 ngân hàng V1 – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao giao dịch tài khoản số: 1110228323 ngân hàng V1 – Tên khách hàng: HUYNH MINH TRI lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao giao dịch tài khoản số: 11110000228323 (Số mới: 1110228323) ngân hàng B1 – Tên khách hàng: PHAM THI MINH lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 143/CT-VKS-GV ngày 03/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H

về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo.

- Đề nghị xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn H từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

- Đề nghị không phạt tiền bổ sung bị cáo do đã đề nghị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính.

- Đề nghị xử lý tiền và vật chứng cụ thể:

+ Đối với số tiền gốc 305.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn H đã cho vay bị cáo đã nhận lại số tiền gốc là 233.850.000 đồng nên buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền gốc người vay chưa trả lại cho bị cáo nên buộc người vay phải nộp sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Ông Huỳnh Thanh T phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 28.400.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Lâm Thị Thanh T1 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 25.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Hồng N1 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 9.750.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Ông Huỳnh Minh T2 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 8.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi theo quy định bị cáo Nguyễn Văn H đã nhận 3.758.904 đồng nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại cho người vay, cụ thể:

Trả lại cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 8.904.110 đồng.

Trả lại cho bà Lâm Thị Thanh T1 số tiền 9.589.041 đồng.

Trả lại cho ông Phạm Thị M số tiền 37.193.493 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Thị Hồng N1 số tiền 44.521 đồng.

Trả lại cho ông Huỳnh Minh T2 số tiền 1.284.932 đồng.

+ Đề nghị xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 màu đen của Nguyễn Văn H;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S24, màu vàng đồng.

Lưu theo hồ sơ vụ án: (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 2886678866 ngân hàng S1: – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 9191119999 ngân hàng V: – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 227060751 ngân hàng V1 – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao giao dịch tài khoản số: 1110228323 ngân hàng V1 – Tên khách hàng: HUYNH MINH TRI lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao giao dịch tài khoản số: 11110000228323 (Số mới: 1110228323) ngân hàng B1 – Tên khách hàng: PHAM THI MINH lưu theo hồ sơ vụ án.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên và không tự bào chữa, không tranh luận, bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, thẩm vấn tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện bị cáo đã thực hiện hành vi: Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024 tại Căn hộ B Chung cư A Đường số E, phường A, (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn H đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với nhiều người vay như trên với lãi suất dao động từ 15% đến 30%/01 tháng (gấp từ 9 đến 18 lần lãi suất quy định), tổng số tiền gốc bị cáo cho vay 305.000.000 đồng, thu lãi suất theo quy định số tiền 3.758.904 đồng, thu lợi bất chính số tiền 57.016.097 đồng. Đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1, Điều 201 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, gây mất trật tự trị an và an

toàn xã hội. Vì vậy, cần xử lý tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ và hình phạt tiền là hình phạt chính quy định theo điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 35; khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3, Điều 201 của Bộ luật hình sự. Không áp dụng phạt tiền bổ sung bị cáo do đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại khoản 2, Điều 32 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Đối với những người khác vay tiền của Nguyễn Văn H, quá trình điều tra xác minh thông tin nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch. Vì vậy, chưa xác định được số tiền vay và tiền lãi của các khách hàng này đã thanh toán cho H nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7]. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

[7.1]. Đối với số tiền gốc 305.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn H đã cho vay bị cáo đã nhận lại số tiền gốc là 233.850.000 đồng nên buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách Nhà nước..

[7.2]. Đối với số tiền gốc người vay chưa trả lại cho bị cáo nên buộc người vay phải nộp sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Ông Huỳnh Thanh T phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 28.400.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Bà Lâm Thị Thanh T1 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 25.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N1 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 9.750.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Ông Huỳnh Minh T2 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 8.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[7.3]. Đối với số tiền lãi theo quy định bị cáo Nguyễn Văn H đã nhận 3.758.904 đồng nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

[7.4]. Đối với số tiền thu lợi bất chính buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại cho người vay, cụ thể:

+ Trả lại cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 8.904.110 đồng.

+ Trả lại cho bà Lâm Thị Thanh T1 số tiền 9.589.041 đồng.

+ Trả lại cho ông Phạm Thị M số tiền 37.193.493 đồng.

- + Trả lại cho ông Nguyễn Thị Hồng N1 số tiền 44.521 đồng.
- + Trả lại cho ông Huỳnh Minh T2 số tiền 1.284.932 đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng:

[8.1]. Đối với: (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 2886678866 ngân hàng S1: – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 9191119999 ngân hàng V: – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao kê giao dịch tài khoản số: 227060751 ngân hàng V1 – Tên khách hàng: NGUYEN VAN HA lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao giao dịch tài khoản số: 1110228323 ngân hàng V1 – Tên khách hàng: HUYNH MINH TRI lưu theo hồ sơ vụ án; (01) Một bản sao giao dịch tài khoản số: 11110000228323 (Số mới: 1110228323) ngân hàng B1 – Tên khách hàng: PHAM THI MINH lưu theo hồ sơ vụ án. Là chứng của vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án (Đã kèm theo hồ sơ vụ án).

[8.1]. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 màu đen của Nguyễn Văn H dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8.3]. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S24, màu vàng đồng. Không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10]. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[11]. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 201; điểm i, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Buộc bị cáo nộp số tiền phạt một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

* Đối với bị cáo Nguyễn Văn H:

1/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp số tiền gốc đã nhận lại 233.850.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

2/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp số tiền lãi theo quy định đã nhận 3.758.904 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

3/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho ông Huỳnh Thanh T số tiền thu lợi bất chính 8.904.110 đồng.

4/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho bà Lâm Thị Thanh T1 số tiền thu lợi bất chính 9.589.041 đồng.

5/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho bà Phạm Thị M số tiền thu lợi bất chính 37.193.493 đồng.

6/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N1 số tiền thu lợi bất chính 44.521 đồng.

7/ Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho ông Huỳnh Minh T2 số tiền thu lợi bất chính 1.284.932 đồng.

* Đối với những người vay:

8/ Buộc ông Huỳnh Thanh T phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 28.400.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

9/ Buộc bà Lâm Thị Thanh T1 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 25.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

10/ Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N1 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 9.750.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

11/ Buộc ông Huỳnh Minh T2 phải nộp số tiền gốc đã vay chưa trả 8.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về vật chứng:

12/ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 màu đen.

13/ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S24, màu vàng đồng.

(Theo Phiếu nhập kho số 118/PNK ngày 26/02/2025 của Công an Thành phố H).

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Công an Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức

